

**Deloitte.**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011**

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 20

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Tầng 2, Tòa nhà Thành Công, 57 Láng Hạ, Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Chủ tịch
Ông Ngô Chí Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Đắc Hương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2011)
Ông Ngô Phương Chí	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2011)

##### Ban Tổng Giám đốc

Bà Ngô Bích Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Bích Thanh  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2012

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Tầng 2, Tòa nhà Thành Công, 57 Láng Hạ, Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Chủ tịch
Ông Ngô Chí Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Đắc Hương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2011)
Ông Ngô Phương Chí	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2011)

##### Ban Tổng Giám đốc

Bà Ngô Bích Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Bích Thanh  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2012

Số: 1206 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 3 đến trang 20. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Phạm Anh Hùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 26 tháng 3 năm 2012  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Đặng Văn Khải**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0758/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-CTCK**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150)	<b>100</b>		<b>87.032.362.836</b>	<b>101.804.831.405</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>46.457.693.636</b>	<b>18.731.875.992</b>
1. Tiền	111		9.157.693.636	6.231.875.992
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.300.000.000	12.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>28.492.718.240</b>	<b>53.553.903.700</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		44.800.259.690	66.393.981.970
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(16.307.541.450)	(12.840.078.270)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.678.673.891</b>	<b>28.293.994.794</b>
1. Phải thu khách hàng	131		530.999.999	-
2. Trả trước cho người bán	132		8.734.920	782.636.000
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	7	2.635.045.173	27.057.976.340
4. Các khoản phải thu khác	138	8	8.628.393.799	496.132.454
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(124.500.000)	(42.750.000)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>403.277.069</b>	<b>1.225.056.919</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		273.182.819	205.622.569
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		130.094.250	1.019.434.350
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)</b>	<b>200</b>		<b>8.222.836.200</b>	<b>6.857.079.373</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.700.119.723</b>	<b>4.804.882.884</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.818.641.811	3.751.307.200
- Nguyên giá	222		5.429.806.876	5.684.805.536
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.611.165.065)	(1.933.498.336)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	3.881.477.912	1.053.575.684
- Nguyên giá	228		5.537.943.000	1.429.853.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.656.465.088)	(376.277.316)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.522.716.477</b>	<b>2.052.196.489</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	664.993.065	1.360.226.233
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		701.903.469	336.150.313
3. Tài sản dài hạn khác	268		155.819.943	355.819.943
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>95.255.199.036</b>	<b>108.661.910.778</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MÃ SỐ B 01-CTCK**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>7.970.090.868</b>	<b>6.376.142.359</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.970.090.868</b>	<b>6.360.142.281</b>
1. Phải trả người bán	312		454.278.198	23.378.197
2. Người mua trả tiền trước	313		120.476.716	319.500.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	79.771.163	261.052.586
4. Phải trả người lao động	315		1.101.353	206.470.444
5. Chi phí phải trả	316		228.195.694	374.046.602
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	2.284.924.725	5.610.891.552
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		5.117.721.119	-
8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		49.300	48.300
9. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		72.600	(118.745.400)
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(316.500.000)	(316.500.000)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>16.000.078</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	16.000.078
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>87.285.108.168</b>	<b>102.285.768.419</b>
<b>I - Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>87.285.108.168</b>	<b>102.285.768.419</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		165.792.343	165.792.343
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.050.433.903	1.050.433.904
4. Lỗ lũy kế	420		(63.931.118.078)	(48.930.457.828)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>95.255.199.036</b>	<b>108.661.910.778</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MÃ SỐ B 01-CTCK**

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Mệnh giá tại ngày	Mệnh giá tại ngày
		31/12/2011	31/12/2010
<b>1. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>006</b>	<b>178.852.560.000</b>	<b>165.042.810.000</b>
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	176.863.190.000	104.481.950.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	13.135.110.000	8.820.100.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	163.728.080.000	95.661.850.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	380.000.000	55.981.080.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	380.000.000	55.981.080.000
1.3. Chứng khoán chờ thanh toán	027	1.438.400.000	4.301.200.000
1.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	1.438.400.000	4.301.200.000
1.4. Chứng khoán chờ giao dịch	037	170.970.000	278.580.000
1.4.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	4.450.000	-
1.4.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	166.520.000	278.580.000
<b>2. Chứng khoán chờ lưu ký của Công ty chứng khoán</b>	<b>083</b>	<b>245.700.000</b>	<b>245.700.000</b>

**Ngô Bích Thanh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2012

**Nguyễn Thị Thanh Thủy**  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 02-CTCK**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
<b>1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>01</b>		<b>14.044.895.528</b>	<b>27.005.349.520</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2.487.372.258	6.209.531.875
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		2.287.673.551	14.869.919.765
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		445.454.546	163.636.363
Doanh thu khác	01.9	15	8.824.395.173	5.762.261.517
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>14.044.895.528</b>	<b>27.005.349.520</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	16	16.368.584.835	12.329.153.212
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>(2.323.689.307)</b>	<b>14.676.196.308</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.995.163.490	13.074.535.964
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>		<b>(14.318.852.797)</b>	<b>1.601.660.344</b>
8. Thu nhập khác	31		563.167.695	63.086.359
9. Chi phí khác	32		1.348.446.665	6.823.273
<b>10. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(785.278.970)</b>	<b>56.263.086</b>
<b>11. Tổng (Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(15.104.131.767)</b>	<b>1.657.923.430</b>
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
<b>13. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>(15.104.131.767)</b>	<b>1.657.923.430</b>



Ngô Bích Thanh  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Thị Thanh Thủy  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 03-CTCK**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(15.104.131.767)	1.657.923.430
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.181.149.450	1.003.998.185
Các khoản dự phòng	03	3.549.213.180	(1.944.391.360)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(11.082.033.006)	4.079.545.525
Chi phí lãi vay	06	96.449.771	-
3. Lỗ/(lợi nhuận) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(20.359.352.372)	4.797.075.780
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	17.280.007.105	(19.695.572.569)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.173.278.508	(10.117.490.444)
Giảm chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	22.221.395.198	10.963.521.643
Tiền lãi vay đã trả	13	(96.449.771)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	200.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(241.243.467)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>20.177.635.201</b>	<b>(14.052.465.590)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.411.775.800)	(1.540.549.382)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	49.737.453	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(30.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi vốn cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.910.220.790	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>7.548.182.443</b>	<b>(1.540.549.382)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	16.940.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.940.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	50	<b>27.725.817.644</b>	<b>(15.593.014.972)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>18.731.875.992</b>	<b>34.324.890.964</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	70	<b>46.457.693.636</b>	<b>18.731.875.992</b>



Ngô Bích Thanh  
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Thị Thanh Thủy  
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MÃU SỐ B 05-CTCK**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Số dư tại ngày		Số tăng/(giảm) trong năm		Số dư tại ngày	
	01/01/2010	01/01/2011	2010	2011	31/12/2010	31/12/2011
1. Vốn điều lệ	150.000.000.000	150.000.000.000	Tăng	Tăng	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	-	165.792.343	165.792.343	-	165.792.343	165.792.343
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	884.641.560	1.050.433.903	165.792.343	-	1.050.433.903	1.050.433.903
4. Lỗ lũy kế	(50.256.796.571)	(48.930.457.827)	1.657.923.430	103.471.516	(48.930.457.827)	(63.931.118.078)
	<b>100.627.844.989</b>	<b>102.285.768.419</b>	<b>1.989.508.116</b>	<b>(331.584.686)</b>	<b>102.285.768.419</b>	<b>87.285.108.168</b>



**Ngô Bích Thanh**  
 Tổng Giám đốc

*(Signature)*  
**Nguyễn Thị Thanh Thủy**  
 Kế toán trưởng

Ngày 26 tháng 3 năm 2012



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 80/UBCK-GP ngày 25 tháng 01 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2011 là 25 người (31/12/2010: 48 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác phù hợp với quy định của pháp luật.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

Công ty lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010, tuy nhiên chưa loại trừ chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khỏi bảng cân đối kế toán.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm về phân loại và trình bày, sửa đổi mã số và cơ sở lấy dữ liệu để lập một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Công ty bắt đầu thực hiện áp dụng Thông tư này cho việc lập các báo cáo tài chính trong năm 2011.

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 17.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác và các khoản ký quỹ dài hạn.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả, phải nộp khác và các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán**

Đây là các khoản đặt cọc của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

**Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Đây là số tiền của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư tại tài khoản của công ty chứng khoán mở ở ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết được thực hiện theo hướng dẫn trong Thông tư số 228/2009/TT-BTC ("Thông tư 228") do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán chưa được niêm yết được lập phù hợp với quy định của Thông tư 228 trên cơ sở giá thị trường là giá tham khảo 3 báo giá công khai của các công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác trừ đi dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2011</u> Số năm
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Phương tiện vận tải	8
Tài sản khác	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm ứng dụng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 - 8 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Doanh thu**

*Hoạt động môi giới chứng khoán*

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

*Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn*

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán là khoản thu nhập từ chênh lệch về mua bán chứng khoán tự doanh của Công ty. Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ. Lãi trái phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

*Hoạt động tư vấn*

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

*Hoạt động ủy thác đầu giá*

Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

*Doanh thu khác*

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi kỳ phiếu ngân hàng, phí thu được từ các hợp đồng bán quyền nhận tiền bán chứng khoán, phí thu được từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán có tài sản đảm bảo, được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	19.739.722	32.289.875
Tiền gửi ngân hàng	1.741.415.971	412.135.827
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	5.117.721.119	-
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2.278.816.824	5.787.450.290
Các khoản tương đương tiền	37.300.000.000	12.500.000.000
	<b>46.457.693.636</b>	<b>18.731.875.992</b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
<b>Chứng khoán thương mại</b>		
Cổ phiếu chưa niêm yết	469.570.000	469.570.000
Cổ phiếu niêm yết	33.918.749.690	37.886.421.970
	<b>34.388.319.690</b>	<b>38.355.991.970</b>
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	10.411.940.000	28.037.990.000
	<b>10.411.940.000</b>	<b>28.037.990.000</b>
<b>Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>		
Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết	(16.307.541.450)	(12.831.078.270)
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn khác	-	(9.000.000)
	<b>(16.307.541.450)</b>	<b>(12.840.078.270)</b>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>28.492.718.240</b>	<b>53.553.903.700</b>

(\*) Bao gồm các hợp đồng hợp tác đầu tư sau đây:

- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 048/2009/ECC-ĐT ngày 26/05/2009 với bà Nguyễn Thị Quỳnh Chi - cổ đông của Công ty, phí 0% và không quy định thời hạn. Tài sản đảm bảo là 734.500 cổ phiếu của Công ty.
- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 33/2010/ECC-ĐT ngày 31/12/2010 với ông Ngô Chí Dũng - cổ đông của Công ty, phí 0% và không quy định thời hạn. Tài sản đảm bảo là 236.694 cổ phiếu của Công ty.
- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 34/2010/ECC-ĐT ngày 31/12/2010 với bà Nguyễn Thị Quỳnh Chi - cổ đông của Công ty, phí 0% và không quy định thời hạn. Tài sản đảm bảo là 70.000 cổ phiếu của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	537.786.295	4.218.680.423
Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán có tài sản đảm bảo	2.097.258.878	22.839.295.917
	<b>2.635.045.173</b>	<b>27.057.976.340</b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu tiền đặt cọc theo hợp đồng môi giới chứng khoán (*)	8.000.000.000	-
Dự thu tiền lãi và phí	461.986.865	404.692.420
Phải thu cổ tức	71.297.900	-
Phải thu khác	95.109.034	91.440.034
	<b>8.628.393.799</b>	<b>496.132.454</b>

(\*) Phản ánh khoản đặt cọc với tỉ lệ 50% giá trị hợp đồng tại Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agriseco”) theo Hợp đồng môi giới mua chứng khoán số 7346/2011/Agriseco- Eurocapital ngày 05 tháng 12 năm 2011 giữa Công ty và Agriseco. Theo đó, Agriseco thay mặt Công ty tìm kiếm đối tác có nhu cầu bán các loại chứng khoán theo thỏa thuận trong hợp đồng môi giới. Trường hợp giao dịch mua bán chứng khoán được thực hiện toàn bộ hoặc một phần, khoản tiền đặt cọc này vẫn được hưởng lãi suất 23%/năm tính trên số ngày Agriseco thực tế nắm giữ tiền đặt cọc. Khi hợp đồng hết thời hạn mà Agriseco không tìm được chứng khoán như thỏa thuận, Agriseco sẽ phải trả lại cho Công ty số tiền đặt cọc và số tiền lãi tương ứng.

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	49.296.812	617.044.200	4.766.752.524	251.712.000	5.684.805.536
Tăng trong năm	-	-	503.355.800	-	503.355.800
Giảm trong năm	26.000.000	617.044.200	115.310.260	-	758.354.460
Tại ngày 31/12/2011	<b>23.296.812</b>	<b>-</b>	<b>5.154.798.064</b>	<b>251.712.000</b>	<b>5.429.806.876</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	13.555.156	83.558.069	1.710.529.111	125.856.000	1.933.498.336
Khấu hao trong năm	5.843.120	75.264.467	769.511.691	50.342.400	900.961.678
Giảm trong năm	5.484.896	158.822.536	58.987.517	-	223.294.949
Tại ngày 31/12/2011	<b>13.913.380</b>	<b>-</b>	<b>2.421.053.285</b>	<b>176.198.400</b>	<b>2.611.165.065</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2011	<b>9.383.432</b>	<b>-</b>	<b>2.733.744.779</b>	<b>75.513.600</b>	<b>2.818.641.811</b>
Tại ngày 31/12/2010	<b>35.741.656</b>	<b>533.486.131</b>	<b>3.056.223.413</b>	<b>125.856.000</b>	<b>3.751.307.200</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm ứng dụng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2011	1.429.853.000	1.429.853.000
Tăng trong năm	4.108.090.000	4.108.090.000
Tại ngày 31/12/2011	<u>5.537.943.000</u>	<u>5.537.943.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2011	376.277.316	376.277.316
Khấu hao trong năm	1.280.187.772	1.280.187.772
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.656.465.088</u>	<u>1.656.465.088</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 31/12/2011	<u>3.881.477.912</u>	<u>3.881.477.912</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.053.575.684</u>	<u>1.053.575.684</u>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	1.360.226.233	1.352.331.883
Tăng trong năm	102.239.871	1.098.798.813
Phân bổ trong năm	(797.473.039)	(1.090.904.463)
Số dư cuối năm	<u>664.993.065</u>	<u>1.360.226.233</u>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế GTGT đầu ra	49.108.215	39.568.965
Thuế thu nhập cá nhân	30.662.948	220.050.968
Các khoản thuế phải nộp khác	-	1.432.653
	<u>79.771.163</u>	<u>261.052.586</u>

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2.221.855.000	5.589.872.000
Phải trả, phải nộp khác	63.069.725	21.019.552
	<u>2.284.924.725</u>	<u>5.610.891.552</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lũy kế VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	150.000.000.000	165.792.343	1.050.433.904	(48.930.457.828)	102.285.768.419
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(15.104.131.767)	(15.104.131.767)
Điều chỉnh (*)	-	-	-	103.471.516	103.471.516
Số dư cuối năm	150.000.000.000	165.792.343	1.050.433.904	(63.931.118.079)	87.285.108.168

Theo Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01/02/2000 của Bộ Tài chính, các công ty chứng khoán phải trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự trữ bắt buộc theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế cho mỗi quỹ cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Theo điều lệ của Công ty, hàng năm Công ty phải tiến hành trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bằng 10% lợi nhuận sau thuế. Trong năm 2011, Công ty không thực hiện trích lập các quỹ này do không có lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính này.

(\*) Phản ánh khoản điều chỉnh lại số gốc đã nộp và lãi được nhận từ khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm 2008 và 2009 đã hạch toán vào kết quả kinh doanh các năm trước.

**Vốn điều lệ**

Tình hình góp vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2011 như sau:

Cổ đông	Theo Giấy phép thành lập và hoạt động			Vốn điều lệ đã góp tại 31/12/2011		
	Số cổ phần (cổ phần)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần (cổ phần)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
<b>Cổ đông sáng lập</b>						
Công ty CP Eurowindow Holding	2.400.000	24.000.000.000	16,0	3.825.000	38.250.000.000	25,5
Công ty CP Đầu tư Liên Minh	1.350.000	13.500.000.000	9,0	1.350.000	13.500.000.000	9,0
Ông Ngô Chi Dũng	2.400.000	24.000.000.000	16,0	1.886.694	18.866.940.000	12,6
Ông Phan Hồng Quân	450.000	4.500.000.000	3,0	213.306	2.133.060.000	1,4
Bà Lê Thị Song Lê	450.000	4.500.000.000	3,0	25.000	250.000.000	0,2
	<b>7.050.000</b>	<b>70.500.000.000</b>	<b>47,0</b>	<b>7.300.000</b>	<b>73.000.000.000</b>	<b>48,7</b>
<b>Các cổ đông khác</b>						
Ông Nguyễn Cảnh Hồng	2.700.000	27.000.000.000	18,0	-	-	-
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	1.950.000	19.500.000.000	13,0	1.950.000	19.500.000.000	13,0
Ông Trần Ngọc Bé	1.650.000	16.500.000.000	11,0	675.000	6.750.000.000	4,5
Bà Lý Thị Thu Hà	750.000	7.500.000.000	5,0	250.000	2.500.000.000	1,7
Ông Cao Minh Hiền	600.000	6.000.000.000	4,0	600.000	6.000.000.000	4,0
Ông Nguyễn Đắc Hương	300.000	3.000.000.000	2,0	10.000	100.000.000	0,1
Bà Lê Thị Thu Hiền	-	-	-	310.000	3.100.000.000	2,1
Ông Trần Việt Hùng	-	-	-	20.500	205.000.000	0,1
Bà Nguyễn Thị Ngọc Phương	-	-	-	180.000	1.800.000.000	1,2
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Chi	-	-	-	804.500	8.045.000.000	5,3
Ông Trịnh Thanh Chương	-	-	-	750.000	7.500.000.000	5,0
Công ty Tài chính CP Điện lực	-	-	-	500.000	5.000.000.000	3,3
Các đối tượng khác	-	-	-	1.650.000	16.500.000.000	11,0
	<b>7.950.000</b>	<b>79.500.000.000</b>	<b>53,0</b>	<b>7.700.000</b>	<b>77.000.000.000</b>	<b>51,3</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>15.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. DOANH THU KHÁC**

	2011 VND	2010 VND
Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	5.698.433.060	3.527.164.932
Lãi hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán có tài sản đảm bảo	2.643.454.052	1.411.880.933
Lãi hợp đồng mua quyền nhận tiền bán chứng khoán	470.910.529	753.041.337
Doanh thu khác	11.597.532	70.174.315
	<b>8.824.395.173</b>	<b>5.762.261.517</b>

**16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	2011 VND	2010 VND
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	10.317.001.781	10.790.374.240
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.839.117.403	2.933.716.485
Chi phí hoạt động tư vấn	345.659.006	397.872.831
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	122.657.889	72.317.016
Trích/(Hoàn nhập) dự phòng	3.467.463.180	(1.944.391.360)
Chi phí khác	276.685.576	79.264.000
	<b>16.368.584.835</b>	<b>12.329.153.212</b>

**17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.457.693.636	18.731.875.992
Phải thu khách hàng	530.999.999	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.635.045.173	27.057.976.340
Các khoản phải thu khác	8.542.893.799	453.382.454
Tài sản dài hạn khác	130.094.250	1.019.434.350
<b>Tổng cộng</b>	<b>58.296.726.857</b>	<b>47.262.669.136</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	454.278.198	23.378.197
Chi phí phải trả	228.195.694	374.046.602
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.277.145.231	5.603.218.400
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	5.117.721.119	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.077.340.242</b>	<b>6.000.643.199</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	814.640	814.640
	<b>814.640</b>	<b>814.640</b>

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào do không có các khoản vay phát sinh trong năm.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì khoản phải thu của Công ty chủ yếu hình thành từ gốc và lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán có tài sản đảm bảo và lãi dự thu của các khoản tiền gửi ngân hàng.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL**Tầng 2, Tòa nhà Thành Công, 57 Láng Hạ, Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2011</b>			
Phải trả người bán	454.278.198	-	454.278.198
Chi phí phải trả	228.195.694	-	228.195.694
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.277.145.231	-	2.277.145.231
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	5.117.721.119	-	5.117.721.119
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.077.340.242</b>	<b>-</b>	<b>8.077.340.242</b>
<b>31/12/2010</b>			
Phải trả người bán	23.378.197	-	23.378.197
Chi phí phải trả	374.046.602	-	374.046.602
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.603.218.400	-	5.603.218.400
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.000.643.199</b>	<b>-</b>	<b>6.000.643.199</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2011</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.457.693.636	-	46.457.693.636
Phải thu khách hàng	530.999.999	-	530.999.999
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.635.045.173	-	2.635.045.173
Các khoản phải thu khác	8.542.893.799	-	8.542.893.799
Tài sản dài hạn khác	130.094.250	-	130.094.250
<b>Tổng cộng</b>	<b>58.296.726.857</b>	<b>-</b>	<b>58.296.726.857</b>
<b>31/12/2010</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.731.875.992	-	18.731.875.992
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	27.057.976.340	-	27.057.976.340
Các khoản phải thu khác	453.382.454	-	453.382.454
Tài sản dài hạn khác	1.019.434.350	-	1.019.434.350
<b>Tổng cộng</b>	<b>47.262.669.136</b>	<b>-</b>	<b>47.262.669.136</b>

**18. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011</b>	
	<b>Khối lượng giao dịch</b>	<b>Giá trị giao dịch (VND)</b>
<b>1. Chứng khoán của Công ty</b>		
Cổ phiếu	2.059.750	36.943.757.000
<b>2. Chứng khoán của người đầu tư</b>		
Cổ phiếu	59.066.510	1.053.633.721.000
	<b>61.126.260</b>	<b>1.090.577.478.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bà Nguyễn Thị Quỳnh Chi - Cổ đông Công ty</b>		
- Hợp đồng hợp tác đầu tư (HTĐT)	-	700.000.000
<b>Ông Ngô Chí Dũng - Cổ đông Công ty</b>		
- Hợp đồng hợp tác đầu tư (HTĐT)	-	2.366.940.000
<b>Ông Vũ Tiến Đức - Phó Tổng Giám đốc</b>		
- Hợp đồng hợp tác đầu tư (HTĐT)	-	2.626.050.000
<b>Công ty Cổ phần Eurowindow Holding - Cổ đông Công ty</b>		
- Hợp đồng hợp tác đầu tư (HTĐT)	-	15.000.000.000
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>	652.550.000	564.058.518

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>		
- Hợp đồng HTĐT với bà Nguyễn Thị Quỳnh Chi	8.045.000.000	8.045.000.000
- Hợp đồng HTĐT với ông Ngô Chí Dũng	2.366.940.000	2.366.940.000
- Hợp đồng HTĐT với ông Vũ Tiến Đức	-	2.626.050.000
- Hợp đồng HTĐT với Công ty Cổ phần Eurowindow Holding	-	15.000.000.000
<b>Phải thu khách hàng</b>		
- Công ty Cổ phần Eurowindow Holding	530.000.000	241.372.040
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
- Công ty Cổ phần Eurowindow Holding	25.000.000	-

**20. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.



\_\_\_\_\_  
**Ngô Bích Thanh**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 26 tháng 3 năm 2012

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Thanh Thủy**  
**Kê toán trưởng**